

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Số: 77/2023/MHC

V/v: "Giải trình BCTC 06 tháng đầu năm 2023
đã soát xét – Hợp nhất"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2023

Kính gửi : - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HÀ CHÍ MINH

Công ty Cổ phần MHC (Mã chứng khoán MHC) giao dịch trên Sở GDCK TP.HCM, xin được giải trình kết quả kinh doanh trên BCTC 06 tháng đầu năm 2023 (Hợp nhất) đã được soát xét như sau:

Kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2023 (Hợp nhất) đã được soát xét:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 06 tháng đầu năm 2023:	8.874.999.110 VND
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 06 tháng đầu năm 2022:	9.641.218.781 VND
- Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2023:	10.070.417.268 VND
- Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2022:	- 59.038.776.955 VND

Giải trình kết quả kinh doanh hợp nhất 06 tháng đầu năm 2023 đã được soát xét của Công ty:

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất 06 tháng đầu năm 2023 tăng (lãi) so với cùng kỳ năm 2022 là do: Chi phí tài chính hợp nhất 06 tháng đầu năm 2023 giảm giảm so với cùng kỳ năm trước. Sự biến động này chủ yếu phát sinh từ hoạt động đầu tư tài chính, kinh doanh chứng khoán và hoàn nhập dự phòng của các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư vào Công ty con.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban KS;
- Lưu VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC ✓



CHỦ TỊCH HĐQT
Phạm Bá Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 44

09
ON
TN
EM
VI
HI
À T
NH

1
C
1/2

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần MHC (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần MHC là loại hình công ty cổ phần, tiền thân là Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 056428 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/11/1998 (nay chuyển sang mã số doanh nghiệp là 0100793715).

Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100793715, đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 18/5/2020. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Bá Huy	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Việt Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Lợi	Thành viên (từ ngày 15/6/2023)
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên (đến ngày 15/6/2023)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Bá Huy	Chủ tịch HĐQT - Đại diện theo pháp luật của Công ty
Ông Nguyễn Đức Lợi	Tổng Giám đốc (từ ngày 01/7/2023)
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Tổng Giám đốc (đến ngày 01/7/2023)
Ông Nguyễn Huy Quảng	Kế toán trưởng

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30/6/2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 của Tập đoàn.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm được trình bày từ trang 05 đến trang 44, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



PHẠM BÁ HUY

Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2023



Số: 022/2023/BCSXHN-HT.00051

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần MHC

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần MHC (gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con ("sau đây được gọi chung là Tập đoàn"), được lập ngày 23 tháng 8 năm 2023, từ trang 05 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



NGUYỄN TRÚNG THÀNH

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1673-2023-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Thành phố Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/6/2023	01/01/2023
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		824.791.853.754	923.981.353.937
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	13.900.018.688	33.605.061.959
Tiền	111		13.000.018.688	32.505.061.959
Các khoản tương đương tiền	112		900.000.000	1.100.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	509.948.351.961	253.729.101.221
Chứng khoán kinh doanh	121		512.546.252.372	258.896.363.978
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(2.597.900.411)	(5.167.262.757)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		290.558.113.415	626.008.117.427
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	9.493.738.308	5.279.961.136
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	17.417.817.849	17.518.252.849
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	108.000.000.000	448.500.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	158.303.785.098	157.367.131.282
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(2.657.227.840)	(2.657.227.840)
Hàng tồn kho	140		22.281.820	-
Hàng tồn kho	141		22.281.820	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		10.363.087.870	10.639.073.330
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	226.548.958	225.811.343
Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.849.003.207	8.706.484.530
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	1.287.535.705	1.706.777.457
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		238.878.199.407	232.240.921.875
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.390.837.984	3.368.736.234
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.6	3.390.837.984	3.368.736.234
Tài sản cố định	220		6.176.067.662	7.485.340.706
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	6.176.067.662	7.485.340.706
- Nguyên giá	222		25.474.827.212	25.859.139.674
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.298.759.550)	(18.373.798.968)
Bất động sản đầu tư	230	5.9	108.054.897.557	109.843.579.565
- Nguyên giá	231		110.737.920.569	110.737.920.569
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.683.023.012)	(894.341.004)
Tài sản dở dang dài hạn	240		41.647.415.110	41.000.000.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	41.647.415.110	41.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	79.608.981.094	70.543.265.370
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		599.905.266	599.905.266
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		80.950.000.000	80.950.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.940.924.172)	(11.006.639.896)
Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.063.670.053.161	1.156.222.275.812

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/6/2023	01/01/2023
NỢ PHẢI TRẢ	300		536.915.567.764	638.749.357.741
Nợ ngắn hạn	310		307.158.647.000	260.010.287.770
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	15.499.666.891	13.786.695.857
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		52.745.792	52.745.792
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	247.356.223	1.309.246.364
Phải trả người lao động	314		1.243.190.966	1.806.406.906
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	15.153.436.924	26.942.700.042
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	3.341.501.532	3.298.630.314
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	269.534.151.743	210.562.195.166
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.086.596.929	2.251.667.329
Nợ dài hạn	330		229.756.920.764	378.739.069.971
Phải trả dài hạn khác	337	5.15	108.400.028	118.400.028
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	226.311.785.726	375.270.415.864
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.17	3.336.735.010	3.350.254.079
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		526.754.485.397	517.472.918.071
Vốn chủ sở hữu	410	5.18	526.754.485.397	517.472.918.071
Vốn góp của chủ sở hữu	411		414.069.640.000	414.069.640.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		414.069.640.000	414.069.640.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		28.614.580.000	28.614.580.000
Cổ phiếu quỹ	415		(1.200.000)	(1.200.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		9.344.183.063	9.344.183.063
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		71.118.657.602	61.923.150.392
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		61.134.300.450	92.511.683.288
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		9.984.357.152	(30.588.532.896)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.608.624.732	3.522.564.616
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.063.670.053.161	1.156.222.275.812

Người lập biểu



LÊ THỊ LAN HƯƠNG

Kế toán trưởng



NGUYỄN HUY QUẢNG

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2023

Chủ tịch Hội đồng quản trị




PHẠM BÁ HUY

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	8.874.999.110	9.641.218.781
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10		8.874.999.110	9.641.218.781
Giá vốn hàng bán	11	6.2	10.278.807.512	9.618.660.911
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		(1.403.808.402)	22.557.870
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	35.098.318.558	52.669.302.735
Chi phí tài chính	22	6.4	15.730.302.494	103.204.405.915
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	6.4	24.410.939.766	26.377.498.174
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	(161.954.518)
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	6.955.561.717	6.535.770.717
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.008.645.945	(57.210.270.545)
Thu nhập khác	31	6.5	27.273.686	160.050.000
Chi phí khác	32	6.6	515.436.573	1.102.673.559
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(488.162.887)	(942.623.559)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.520.483.058	(58.152.894.104)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	463.584.859	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.10	(13.519.069)	885.882.851
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		10.070.417.268	(59.038.776.955)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		9.984.357.152	(58.733.848.745)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		86.060.116	(304.928.210)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	241	(1.418)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.11	241	(1.418)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2023

Chủ tịch Hội đồng quản trị





LÊ THỊ LAN HƯƠNG

NGUYỄN HUY QUẢNG

PHẠM BÁ HUY

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		10.520.483.058	(58.152.894.104)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.097.955.052	1.573.398.298
Các khoản dự phòng	03		(11.635.078.070)	882.556.587
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(26.521.071)	(64.955.536)
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(15.762.249.644)	(12.412.289.925)
Chi phí lãi vay	06		24.410.939.766	26.377.498.174
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		10.605.529.091	(41.796.686.506)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(4.634.447.484)	(16.541.024.776)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		(22.281.820)	109.080.000
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		15.246.150	(138.576.613.308)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		(737.615)	(10.957.397)
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13		(253.649.888.394)	294.396.479.076
Tiền lãi vay đã trả	14		(36.112.762.192)	(20.772.859.888)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(788.849.942)	(11.125.326.570)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(120.500.000)	(197.605.895)
Lưu chuyển tiền thuần từ hđ kinh doanh	20		(284.708.692.206)	65.484.484.736
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21		(1.347.415.110)	(342.259.531.501)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		27.272.727	53.175.091.581
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(245.288.804.064)	(356.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		585.788.804.064	517.996.700.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(20.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.810.464.879	38.715.860.468
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		354.990.322.496	(108.371.879.452)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	692.636.802.431	411.796.304.383
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(782.623.475.992)	(481.690.396.364)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hđ tài chính	40		(89.986.673.561)	(69.894.091.981)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		33.605.061.959	142.180.441.420
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	52.765
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	13.900.018.688	29.399.007.488

Người lập biểu



LÊ THỊ LAN HƯƠNG

Kế toán trưởng



NGUYỄN HUY QUẢNG

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2023

Chủ tịch Hội đồng quản trị




PHẠM BÁ HUY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần MHC là loại hình công ty cổ phần, tiền thân là Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 056428 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/11/1998 (nay chuyển sang mã số doanh nghiệp là 0100793715).

Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100793715, đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 18/5/2020. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty có đầu tư vào công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (Cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Tập đoàn kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.**1.3. Ngành nghề kinh doanh:**

Những hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn bao gồm:

- Dịch vụ cho thuê văn phòng và khu siêu thị;
- Vận tải đường thủy, đường bộ;
- Dịch vụ giao nhận kho vận hàng hóa;
- Buôn bán xuất khẩu và nhập khẩu tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Lai dắt tàu biển, bốc xếp hàng hóa và container;
- Đại lý Hàng hải;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Khai thác cảng và kinh doanh bãi container;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Khai thuê hải quan.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn là trong vòng 12 tháng.

1.5. Cấu trúc tập đoàn

a) Tại ngày 30/6/2023, Tập đoàn có 03 công ty con (tại ngày 01/01/2023: 03 công ty con)

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 03 công ty
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 công ty

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 30/6/2023 là 36 người (tại ngày 01/01/2023 là: 35 người).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

b) Các công ty con được hợp nhất:

Tên công ty	Địa chỉ	% Quyền biểu quyết	% Lợi ích	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng	Tầng 6, tòa nhà Hải An, đường Đinh Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	100,00%	100,00%	Dịch vụ vận tải
Công ty Cổ phần Đầu tư MHC	Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	99,00%	99,00%	Đầu tư tài chính
Công ty Cổ phần MHC Land	Tầng 18, Số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	99,00%	99,00%	Kinh doanh bất động sản

c) Các Công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tên công ty	Địa chỉ	% Quyền biểu quyết	% Lợi ích	Hoạt động chính
Công ty TNHH Hàng hải Wallem Việt Nam (*)	Số 144-146 đường Nguyễn Thái Bình, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. HCM	51,00%	51,00%	Dịch vụ vận tải

(*) Công ty Cổ phần MHC sở hữu 51,00% vốn góp của Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam, tuy nhiên điều lệ của công ty này yêu cầu phải có sự thống nhất của các bên liên quan đối với mọi quyết định quan trọng về hoạt động và tài chính của công ty. Do đó, khoản đầu tư vào công ty này trên báo cáo tài chính hợp nhất được phân loại vào "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" thay vì "Đầu tư vào các công ty con".

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng bắt đầu từ ngày 01/01/2023 và kết thúc ngày 30/6/2023.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần MHC và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Tập đoàn với các công ty con và giữa các công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Tập đoàn. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán kinh doanh giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh này tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng được hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của các chứng khoán vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào được ghi nhận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

4.5 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") là thỏa thuận của hai hay nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

4.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.8 Tài sản cố định hữu hình***Nguyên giá***

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn 05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 03 năm
- Tài sản cố định khác 05 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***4.9 Bất động sản đầu tư****Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến.

Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản nắm giữ để cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong 30 năm.

4.10 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

4.11 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.12 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.13 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng. Chi phí phải trả bao gồm: lãi vay phải trả, lãi trái phiếu phát hành và các khoản chi phí phải trả khác.

4.14 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản tiền vay được phản ánh theo giá gốc, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn của từng khoản vay. Các khoản vay có thời hạn trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay dài hạn. Các khoản vay có thời hạn trả nợ trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay ngắn hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.15 Trái phiếu thường

Trái phiếu thường của Công ty là trái phiếu ngang giá được ghi nhận bằng mệnh giá trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm mệnh giá của trái phiếu. Định kỳ, kế toán phân bổ chi phí phát hành trái phiếu bằng cách ghi tăng giá trị mệnh giá trái phiếu và ghi nhận vào chi phí tài chính phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

Lãi trái phiếu được tính định kỳ và ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.17 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

4.18 Doanh thu và thu nhập**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn**

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.19 Chi phí**Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn, chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ báo cáo.

4.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.21 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***4.22 Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>30/6/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.230.991.219	493.241.489
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.769.027.469	32.011.820.470
Các khoản tương đương tiền	900.000.000	1.100.000.000
Cộng	<u>13.900.018.688</u>	<u>33.605.061.959</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.2. Các khoản đầu tư tài chính****a) Chứng khoán kinh doanh**

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	512.546.252.372	569.557.600.800	258.896.363.978	300.447.081.600
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	82.458.543.718	96.374.610.000	30.233.056.116	27.069.200.000
+ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	301.950.380.743	320.910.062.500	70.022.340.000	72.390.500.000
+ Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	62.002.924.480	77.060.613.600	891.740.764	833.436.500
+ Giá trị cổ phiếu khác (*)	66.134.403.431	75.212.314.700	157.749.227.098	200.153.945.100
Cộng	512.546.252.372	569.557.600.800	258.896.363.978	300.447.081.600
				(5.167.262.757)
				(3.163.856.116)
				-
				(58.227.121)
				(1.945.179.520)

(*) Trong đó bao gồm 525.200 cổ phiếu của CTCP Viglacera Hạ Long (VHL) với tổng mệnh giá 5.252.000.000 đồng và 330.000 cổ phiếu của Tổng Công ty Thiết bị Điện Đông Anh - CTCP (TBD) với tổng mệnh giá 3.300.000.000 đồng được sử dụng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi trái phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư MHC (Công ty con) phát hành ngày 01/7/2021 với tổng mệnh giá còn lại 150 tỷ đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong kỳ như sau:**

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Năm 2022
	VND	VND
Số dư đầu năm	(5.167.262.757)	(31.274.275.743)
Trích lập bổ sung dự phòng trong năm	(712.023.621)	(56.747.825.842)
Hoàn nhập dự phòng	3.281.385.967	82.854.838.828
Sử dụng dự phòng trong năm	-	-
Số dư cuối năm	(2.597.900.411)	(5.167.262.757)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**b.1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
+ Công ty TNHH Hàng hải Wallem Việt Nam	1.734.000.000	599.905.266	1.734.000.000	599.905.266
Cộng	1.734.000.000	599.905.266	1.734.000.000	599.905.266

- Biến động các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh liên kết trong kỳ như sau:

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Năm 2022
	VND	VND
Số dư đầu năm	599.905.266	818.023.410
Thay đổi do hợp nhất	-	-
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết trong năm	-	(218.118.144)
Số dư cuối năm	599.905.266	599.905.266

- Thông tin về các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết của Tập đoàn tại ngày 30/6/2023 được trình bày tại Thuyết minh số 1.5.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***b.2. Đầu tư vào đơn vị khác**

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
	VND	VND	VND	VND
+ Công ty CP Giải trí và Truyền thông MHC	-	-	(*)	-
+ Công ty Cổ phần Thekla	950.000.000	-	(*)	950.000.000
+ Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000.000.000	-	(*)	10.000.000.000
+ Quỹ Đầu tư Hạ tầng Red One (R1F)	50.000.000.000	-	(*)	50.000.000.000
+ Quỹ Đầu tư Cổ phiếu tăng trưởng (R2F)	20.000.000.000	(1.940.924.172)	(*)	20.000.000.000
Cộng	80.950.000.000	(1.940.924.172)		80.950.000.000
				(11.006.639.896)

(*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

- Thông tin về các khoản đầu tư vào Đơn vị khác của Tập đoàn tại ngày 30/6/2023:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	% Quyền biểu quyết	% Lợi ích	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Thekla	Tầng 18, Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	6,33%	6,33%	Thương mại
2	Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, toà nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	5,00%	5,00%	Dịch vụ vận tải
3	Quỹ Đầu tư Hạ tầng Red One (R1F)	Phòng 4, Lầu 9, The Landmark, 5B Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	15,625%	15,625%	Đầu tư tài chính
4	Quỹ Đầu tư Cổ phiếu tăng trưởng (R2F)	Phòng 4, Lầu 9, The Landmark, 5B Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	15,385%	15,385%	Đầu tư tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- Biến động các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong năm như sau:

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Năm 2022
	VND	VND
Số dư đầu năm	(11.006.639.896)	-
Trích lập bổ sung dự phòng trong năm	-	(11.006.639.896)
Hoàn nhập dự phòng	9.065.715.724	-
Số dư cuối năm	(1.940.924.172)	(11.006.639.896)

5.3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

- a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
+ Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	1.925.000.000	-
+ Công ty CP Sản xuất và Thương mại PP	3.648.002.204	1.446.694.247
+ Công ty CP Vận tải và Xếp dỡ Hải An	712.471.348	841.806.933
+ Các khoản phải thu khách hàng khác	3.208.264.756	2.991.459.956
Cộng	9.493.738.308	5.279.961.136

- b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Không phát sinh

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
+ Công ty Cổ phần FREELAND	17.219.457.849	17.219.457.849
+ Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	198.360.000	298.795.000
Cộng	17.417.817.849	17.518.252.849

5.5. Phải thu về cho vay

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
+ Ngắn hạn Cho vay ngắn hạn cá nhân (*)	108.000.000.000	448.500.000.000
Cộng	108.000.000.000	448.500.000.000

- (*) Các khoản cho vay ngắn hạn cá nhân có thời hạn từ 01-12 tháng với lãi suất 7-12%/năm theo hình thức tín chấp.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.7. Nợ xấu**

	30/6/2023			01/01/2023		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
+ Công ty TNHH MTV Hàng Hải Hà Nội Phía Nam (SHMC)	Trên 3 năm	1.330.893.473	-	Trên 3 năm	1.330.893.473	-
+ Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức	Trên 3 năm	312.424.867	-	Trên 3 năm	312.424.867	-
+ CN Công ty CP vận tải dầu khí Việt Nam tại HP (Falcon HPG)	Trên 3 năm	379.608.500	-	Trên 3 năm	379.608.500	-
+ Công ty CP SX kính Quảng Ninh	Trên 3 năm	157.200.000	-	Trên 3 năm	157.200.000	-
+ Công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ Ngọc Vy	Trên 3 năm	144.980.000	-	Trên 3 năm	144.980.000	-
+ Các khoản nợ xấu và nợ khó đòi khác	Trên 3 năm	332.121.000	-	Trên 3 năm	332.121.000	-
Cộng		2.657.227.840	-		2.657.227.840	-

(*) Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ như sau:

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Năm 2022
	VND	VND
Số dư đầu năm	(2.657.227.840)	(2.657.227.840)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Trích lập bổ sung dự phòng trong năm	-	-
Số dư cuối năm	(2.657.227.840)	(2.657.227.840)

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư 01/01/2023	25.080.426.513	310.165.599	468.547.562	25.859.139.674
Thanh lý (384.312.462)	-	-	-	(384.312.462)
Số dư 30/6/2023	24.696.114.051	310.165.599	468.547.562	25.474.827.212
Giá trị đã hao mòn lũy kế				
Số dư 01/01/2023	18.056.211.914	196.271.619	121.315.435	18.373.798.968
Khấu hao trong năm 1.245.557.538	1.245.557.538	16.860.750	46.854.756	1.309.273.044
Thanh lý (384.312.462)	-	-	-	(384.312.462)
Số dư 30/6/2023	18.917.456.990	213.132.369	168.170.191	19.298.759.550
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2023	7.024.214.599	113.893.980	347.232.127	7.485.340.706
Tại ngày 30/6/2023	5.778.657.061	97.033.230	300.377.371	6.176.067.662

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: không có
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 12.019.454.240 đồng
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không có
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không phát sinh
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có

5.9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Khoản mục	01/01/2023	Tăng	Giảm	30/6/2023
	VND	trong kỳ	trong kỳ	VND
Nguyên giá	110.737.920.569	-	-	110.737.920.569
- Nhà và quyền sử dụng đất (*)	107.320.920.569	-	-	107.320.920.569
- Quyền sử dụng đất	3.417.000.000	-	-	3.417.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	894.341.004	1.788.682.008	-	2.683.023.012
- Nhà và quyền sử dụng đất	894.341.004	1.788.682.008	-	2.683.023.012
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại	109.843.579.565	-	-	108.054.897.557
- Nhà và quyền sử dụng đất	106.426.579.565	-	1.788.682.008	104.637.897.557
- Quyền sử dụng đất	3.417.000.000	-	-	3.417.000.000

(*) Tạm tăng tài sản để đưa vào cho thuê theo Quyết định số 36/2022/QĐ-MHC ngày 01/10/2022 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

- Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 104.637.897.557 đồng;
- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: 0 đồng;
- Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

5.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Dự án Nhà văn phòng	41.647.415.110	41.000.000.000
Cộng	41.647.415.110	41.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.11. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>30/6/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	111.550.643	225.811.343
Các khoản khác	114.998.315	-
Cộng	<u>226.548.958</u>	<u>225.811.343</u>

5.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>30/6/2023</u>		<u>01/01/2023</u>	
	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND
+ Công ty CP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	988.817.357	988.817.357	988.817.357	988.817.357
+ Công ty CP TM Dầu Khí Cửu Long	405.150.000	405.150.000	405.150.000	405.150.000
+ Chi Nhánh Cty CP Xăng dầu chất đốt Hà Nội tại Hải Phòng	613.479.680	613.479.680	322.792.420	322.792.420
+ Công ty CP Thương Mại và dịch vụ vận tải Hà Trung	3.674.791.219	3.674.791.219	2.920.654.625	2.920.654.625
+ Công ty Cổ phần tập đoàn Ecopark	5.339.349.352	5.339.349.352	5.339.349.352	5.339.349.352
+ Phải trả cho các đối tượng khác	4.478.079.283	4.478.079.283	3.809.932.103	3.809.932.103
Cộng	<u>15.499.666.891</u>	<u>15.499.666.891</u>	<u>13.786.695.857</u>	<u>13.786.695.857</u>

5.13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Phải nộp	<u>01/01/2023</u>	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	<u>30/6/2023</u>
	VND			VND
Thuế giá trị gia tăng	1.110.031.551	887.052.002	1.807.613.488	189.470.065
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	788.849.942	788.849.942	-
Thuế thu nhập cá nhân	199.214.813	214.646.650	355.975.305	57.886.158
Các loại thuế khác	-	12.000.000	12.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	507.669.296	507.669.296	-
Cộng	<u>1.309.246.364</u>	<u>2.410.217.890</u>	<u>3.472.108.031</u>	<u>247.356.223</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Phải thu	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	30/6/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	574.072.153	3.726.000	-	570.346.153
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.077.106.047	463.584.859	-	613.521.188
Thuế thu nhập cá nhân	55.599.257	15.861.699	63.930.806	103.668.364
Các loại thuế khác	-	-	-	-
Cộng	1.706.777.457	483.172.558	63.930.806	1.287.535.705

5.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phát hành	14.353.705.685	26.052.761.418
Các khoản trích trước khác	799.731.239	889.938.624
Cộng	15.153.436.924	26.942.700.042

5.15. Phải trả khác

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
+ Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	279.951.904	212.830.686
+ Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội	1.503.000.000	1.503.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.102.828.650	1.102.828.650
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	455.720.978	479.970.978
Cộng	3.341.501.532	3.298.630.314
	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
b) Dài hạn		
+ Nhận ký cược, ký quỹ	108.400.028	118.400.028
Cộng	108.400.028	118.400.028

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.16. Vay và nợ thuê tài chính**

	30/6/2023		Trong kỳ		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn (*)	269.534.151.743	269.534.151.743	691.568.035.303	432.623.475.992	10.589.592.432	10.589.592.432
- Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	27.397.266	200.000.000.000	199.972.602.734	199.972.602.734
+ Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	-	-
+ Trái phiếu (***)	-	-	27.397.266	200.000.000.000	199.972.602.734	199.972.602.734
Cộng	269.534.151.743	269.534.151.743	691.595.432.569	632.623.475.992	210.562.195.166	210.562.195.166
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
- Vay dài hạn	76.311.785.727	76.311.785.727	-	-	76.311.785.727	76.311.785.727
+ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (**)	76.311.785.727	76.311.785.727	-	-	76.311.785.727	76.311.785.727
- Trái phiếu phát hành (***)	149.999.999.999	149.999.999.999	1.041.369.862	150.000.000.000	298.958.630.137	298.958.630.137
Cộng	226.311.785.726	226.311.785.726	1.041.369.862	150.000.000.000	375.270.415.864	375.270.415.864

(*) Là các khoản vay giao dịch kỳ quỹ các công ty chứng khoán.

(**) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành theo Hợp đồng tín dụng SGO202113391192/HDTD ngày 20/4/2021 ký giữa Công ty Cổ phần MHC và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - TECHCOMBANK chi nhánh Hà Thành. Số tiền vay 76.311.785.727 đồng; thời hạn vay 180 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; lãi suất theo khung ước nhận nợ. Tài sản bảo đảm là tài sản hình thành từ vốn vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

(***) Trái phiếu phát hành

	30/6/2023			01/01/2023		
	Giá trị VND	Lãi suất Năm	Kỳ hạn	Giá trị VND	Lãi suất Năm	Kỳ hạn
Loại phát hành theo mệnh giá (i)	-			199.972.602.734	10%/năm	03 năm
Loại phát hành theo mệnh giá (ii)	149.999.999.999	9,4%/năm	05 năm	298.958.630.137	9,4%/năm	05 năm
Cộng	149.999.999.999			498.931.232.871		

(i) Thông tin chi tiết trái phiếu:

- Tên trái phiếu: Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư MHC
- Loại trái phiếu: Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có tài sản đảm bảo.
- Giá trị trái phiếu:

	Giá trị (VND)
Tổng mệnh giá	200.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	-
Mua lại trong kỳ (đáo hạn)	200.000.000.000
Trị giá trái phiếu	-

- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.000 trái phiếu;
- Lãi suất: 10%/năm cố định cho tất cả các kỳ;
- Ngày phát hành: 29/5/2020;
- Ngày đáo hạn: 29/5/2023.

(ii) Thông tin chi tiết trái phiếu:

- Tên trái phiếu: Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư MHC
- Loại trái phiếu: Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có tài sản đảm bảo.
- Giá trị trái phiếu:

	Giá trị (VND)
Tổng mệnh giá	300.000.000.000
Mua lại trước hạn trong kỳ	150.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(1)
Trị giá trái phiếu	149.999.999.999

- Số lượng trái phiếu phát hành: 3.000 trái phiếu;
- Lãi suất: 9,4%/năm cố định cho tất cả các kỳ
- Ngày phát hành: 01/7/2021;
- Ngày đáo hạn: 01/7/2026.

499
 ĐƠN
 TÍNH
 VI
 CHỈ
 Á T
 /NH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả****a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<u>30/6/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>30/6/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	3.336.735.010	3.350.254.079
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Cộng	<u>3.336.735.010</u>	<u>3.350.254.079</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.18. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LN sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2022	414.069.640.000	28.614.580.000	(1.200.000)	9.344.183.063	113.215.105.288	3.726.801.219	568.969.109.570
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	(30.588.532.896)	(204.236.603)	(30.792.769.499)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(20.703.422.000)	-	(20.703.422.000)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư 01/01/2023	414.069.640.000	28.614.580.000	(1.200.000)	9.344.183.063	61.923.150.392	3.522.564.616	517.472.918.071
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	9.984.357.152	86.060.116	10.070.417.268
Chi cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(788.849.942)	-	(788.849.942)
Số dư 30/6/2023	414.069.640.000	28.614.580.000	(1.200.000)	9.344.183.063	71.118.657.602	3.608.624.732	526.754.485.397

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	<u>30/6/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	414.069.640.000	414.069.640.000
Cộng	<u>414.069.640.000</u>	<u>414.069.640.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	414.069.640.000	414.069.640.000
+ Vốn góp đầu năm	414.069.640.000	414.069.640.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	414.069.640.000	414.069.640.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	20.703.422.000

d) Cổ phiếu

	<u>30/6/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.406.964	41.406.964
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	41.406.964	41.406.964
+ Cổ phiếu phổ thông	41.406.964	41.406.964
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	120	120
+ Cổ phiếu phổ thông	120	120
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	41.406.844	41.406.844
+ Cổ phiếu phổ thông	41.406.844	41.406.844
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

e) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không phát sinh

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.19. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất**

a) Ngoại tệ các loại

	30/6/2023		01/01/2023	
	Ngoại tệ	Tương đương VND	Ngoại tệ	Tương đương VND
USD	3,85	57.230	3,85	57.230

b) Nợ khó đòi đã xử lý

Tên Công ty	Nguyên nhân	30/6/2023		01/01/2023	
		Năm xóa sổ	Giá trị VND	Năm xóa sổ	Giá trị VND
+ Công ty TNHH Vận tải Sông Đào	Nợ đọng lâu ngày	2018	328.000.000	2018	328.000.000
+ Công ty TNHH TM DV Phong Châu	Nợ đọng lâu ngày	2018	84.000.000	2018	84.000.000
+ Công ty XD Công trình Đường thủy II	Nợ đọng lâu ngày	2018	45.000.000	2018	45.000.000
+ ACHIEVER	Nợ đọng lâu ngày	2018	447.223.065	2018	447.223.065
+ Công ty GNVN Quyết Tiến	Nợ đọng lâu ngày	2018	238.100.000	2018	238.100.000
+ Công ty TNHH HH Wallem Việt Nam	Nợ đọng lâu ngày	2018	218.016.797	2018	218.016.797
+ Công ty TNHH VTH công nghệ cao	Nợ đọng lâu ngày	2018	110.000.000	2018	110.000.000
+ OCEAN PARK	Nợ đọng lâu ngày	2018	2.356.396	2018	2.356.396
+ Bransford International Ltd	Nợ đọng lâu ngày	2013	1.510.085.635	2013	1.510.085.635
+ Far Shipping Lines Pte Ltd	Nợ đọng lâu ngày	2013	832.800.000	2013	832.800.000
+ Công ty Obayashi Việt Nam	Nợ đọng lâu ngày	2013	671.955.900	2013	671.955.900
+ Công ty TNHH Đền hình Orion Hanel	Doanh nghiệp phá sản	2012	1.007.000.000	2012	1.007.000.000
+ Tổng Công ty Xây dựng số 1	Nợ đọng lâu ngày	2012	353.441.000	2012	353.441.000
+ Bùi Tiến Học	Nợ đọng lâu ngày	2020	25.500.000	2020	25.500.000
+ Các khoản công nợ khó đòi khác	Nợ đọng lâu ngày	2012	1.406.380.106	2012	1.406.380.106
Cộng			7.279.858.899		7.279.858.899

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng	-	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.874.999.110	9.641.218.781
+ Dịch vụ vận tải	7.887.113.910	7.822.925.104
+ Dịch vụ cho thuê văn phòng	74.520.000	-
+ Dịch vụ khác	913.365.200	1.818.293.677
- Doanh thu bán bất động sản	-	-
Cộng	8.874.999.110	9.641.218.781

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: không phát sinh

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	-
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.278.807.512	9.618.660.911
+ Dịch vụ vận tải	7.677.271.055	8.246.647.010
+ Dịch vụ cho thuê văn phòng	1.857.356.462	-
+ Dịch vụ khác	744.179.995	1.372.013.901
- Giá vốn bất động sản	-	-
Cộng	10.278.807.512	9.618.660.911

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.730.526.917	11.636.918.002
Lãi bán các khoản đầu tư	19.336.820.570	38.927.429.197
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.450.000	2.040.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	26.521.071	64.955.536
Cộng	35.098.318.558	52.669.302.735

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6.4. Chi phí tài chính**

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	24.410.939.766	26.377.498.174
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	2.954.240.622	75.937.699.340
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	712.023.621	36.787.850.662
Chi phí tài chính khác	200.176	6.651.814
Các khoản hoàn nhập dự phòng	(12.347.101.691)	(35.905.294.075)
Cộng	15.730.302.494	103.204.405.915

6.5. Thu nhập khác

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	27.272.727	-
Tiền phạt thu được	-	160.000.000
Các khoản khác	959	50.000
Cộng	27.273.686	160.050.000

6.6. Chi phí khác

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
	VND	VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	1.102.673.559
Các khoản bị phạt	515.240.576	-
Các khoản khác	195.997	-
Cộng	515.436.573	1.102.673.559

6.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.516.533.638	2.852.620.953
Chi phí đồ dùng văn phòng	303.116.705	434.594.128
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.163.643.504	1.226.764.292
Thuế, phí và lệ phí	12.000.000	26.610.068
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.494.631.288	1.273.703.128
Chi phí bằng tiền khác	465.636.582	721.478.148
Cộng	6.955.561.717	6.535.770.717

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6.8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.032.621.724	2.688.110.882
Chi phí nhân công	4.903.608.464	4.455.441.353
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.097.955.052	1.573.398.298
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.728.547.407	6.008.868.507
Chi phí khác bằng tiền	471.636.582	721.478.148
Cộng	17.234.369.229	15.447.297.188

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Thuyết minh	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
		VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	(i)	463.584.859	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		463.584.859	-
(i) Chi tiết chi phí thuế TNDN hiện hành		Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
		VND	VND
Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh		463.584.859	-
Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng bất động sản		-	-
Thuế TNDN phải trả hiện hành		463.584.859	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Thuyết minh	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
	VND	VND
+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(13.519.069)	885.882.851
+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
+ Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
+ Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
+ Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	(13.519.069)	885.882.851

6.11. Lãi trên cổ phiếu

Đơn vị tính	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND 9.984.357.152	(58.733.848.745)
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ	VND -	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND 9.984.357.152	(58.733.848.745)
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ đang lưu hành bình quân trong năm	Cổ phần 41.406.844	41.406.844
Lãi trên cổ phiếu		
+ Lãi cơ bản	VND/Cổ phần 241	(1.418)
+ Lãi suy giảm	VND/Cổ phần 241	(1.418)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	-	28.800.000.000
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	692.636.802.431	382.996.304.383
Cộng	692.636.802.431	411.796.304.383

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	-	88.800.000.000
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	350.000.000.000	-
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	432.623.475.992	392.890.396.364
Cộng	782.623.475.992	481.690.396.364

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**8.1 Các cam kết và các khoản nợ tiềm tàng****Cam kết bảo lãnh**

- Tại ngày 30/6/2023, số lượng cổ phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư MHC (Công ty con) nắm giữ đã được dùng để đảm bảo cho ghĩa vụ thanh toán gốc và lãi trái phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư MHC phát hành ngày 01/7/2021 với tổng mệnh giá còn lại 150 tỷ đồng như sau: 525.200 cổ phiếu của CTCP Viglacera Hạ Long (VHL) với tổng mệnh giá 5.252.000.000 đồng và 330.000 cổ phiếu của Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP (TBD) với tổng mệnh giá 3.300.000.000 đồng.
- Công ty Cổ phần Đầu tư MHC (Công ty con) có nghĩa vụ thanh toán phí đại lý theo hợp đồng Đại lý đăng ký lưu ký trái phiếu số 09/2021/ĐLĐK/VIX-MIV ngày 29/6/2021 ký với Công ty CP Chứng khoán VIX. Số tiền công ty phải trả theo thỏa thuận này như sau:

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Đến 1 năm	1.050.000.000	2.100.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	3.150.000.000	4.200.000.000
Cộng	4.200.000.000	6.300.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

8.2 Thông tin về các bên liên quan

Thông tin về các bên liên quan

TT	Tên bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH Hàng hải Wallem Việt Nam	Công ty liên doanh liên kết
2	Quỹ Đầu tư Hạ tầng Red One (R1F)	Đầu tư khác, có cùng chủ tịch
3	Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Quản lý chủ chốt của Công ty

Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
		VND	VND
Ông Phạm Bá Huy	Chủ tịch HĐQT	945.602.000	647.718.600
Bà Nguyễn Thị Thuý Linh	Thành viên HĐQT (Đến ngày 15/6/2023), Tổng Giám đốc (Đến ngày 01/7/2023)	257.797.500	166.320.000
Ông Lê Việt Dũng	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Đức Lợi	Thành viên HĐQT (Từ ngày 15/6/2023), Tổng Giám đốc (Từ ngày 01/7/2023)	4.266.667	-
Bà Nguyễn Tú Uyên	Trưởng Ban KS (Bổ nhiệm 03/6/2022)	37.600.000	6.064.516
Bà Nguyễn Thuý Nga	Thành viên Ban KS	12.000.000	22.064.516
Bà Trần Thị Nhiên	Thành viên Ban KS	12.000.000	12.000.000
Nguyễn Thị Thơm	Thành viên Ban KS (Miễn nhiệm 31/5/2022)	-	9.935.484
Ông Nguyễn Huy Quảng	Kế toán trưởng	528.262.000	197.785.800
		1.845.528.167	1.109.888.916

Ngoài ra, Ông Phạm Bá Huy đã sử dụng 1.000.000 Cổ phần phổ thông thuộc sở hữu cá nhân do Công ty Cổ phần MHC phát hành để làm cổ phiếu bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi trái phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư MHC phát hành ngày 01/7/2021 có tổng mệnh giá còn lại 150 tỷ đồng.

Ông Nguyễn Huy Quảng đã sử dụng 300.000 Cổ phần phổ thông thuộc sở hữu cá nhân do CTCP Viglacera Tiên Sơn phát hành, 300.000 Cổ phần do Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP phát hành và 500.000 Cổ phần do CTCP Điện lực Gelex phát hành để làm cổ phiếu bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi trái phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư MHC phát hành ngày 01/7/2021 có tổng mệnh giá còn lại 150 tỷ đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác:** Không**Số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan:** Không**8.3 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh

Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý.

Các khoản mục không được phân chia bao gồm: tài sản và nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận và lỗ khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.

a) Kết quả hoạt động kinh doanh phân chia theo bộ phận của kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023:

Khoản mục	Hoạt động đầu tư	Hoạt động kinh doanh BĐS	Hoạt động vận tải	Hoạt động không phân bổ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần của bộ phận	35.071.797.487	74.520.000	7.887.113.910		43.033.431.397
Chi phí của bộ phận	21.168.915.800	1.857.356.462	7.677.271.055		30.703.543.317
Kết quả kinh doanh của bộ phận	13.902.881.687	(1.782.836.462)	209.842.855		12.329.888.080
Doanh thu không phân bổ				939.886.271	939.886.271
Chi phí không phân bổ				2.261.128.406	2.261.128.406
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					11.008.645.945
Thu nhập khác				27.273.686	27.273.686
Chi phí khác				515.436.573	515.436.573
Chi phí thuế TNDN				463.584.859	463.584.859
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(13.519.069)	(13.519.069)
Lợi nhuận sau thuế TNDN					10.070.417.268

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

b) Kết quả hoạt động kinh doanh phân chia theo bộ phận của năm tài chính kết thúc ngày 30/6/2022:

Khoản mục	Hoạt động đầu tư	Hoạt động kinh doanh BĐS	Hoạt động vận tải	Hoạt động không phân bổ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần của bộ phận	52.442.392.681	-	7.822.925.104		60.265.317.785
Chi phí của bộ phận	108.826.753.565	-	8.246.647.010		117.073.400.575
Kết quả kinh doanh của bộ phận	(54.641.664.847)	-	(423.721.906)		(56.808.082.790)
Doanh thu không phân bổ				1.883.249.213	1.883.249.213
Chi phí không phân bổ				2.285.436.968	2.285.436.968
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					(57.210.270.545)
Thu nhập khác				160.050.000	160.050.000
Chi phí khác				1.102.673.559	1.102.673.559
Chi phí thuế TNDN				-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				885.882.851	885.882.851
Lợi nhuận sau thuế TNDN					(59.038.776.955)

c) Tài sản và nợ phải trả phân chia theo bộ phận tại ngày 30/6/2023:

Khoản mục	Hoạt động đầu tư	Hoạt động kinh doanh BĐS	Hoạt động không phân bổ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	698.660.161.705			698.660.161.705
Tài sản không phân bổ			365.009.891.456	365.009.891.456
Tổng tài sản				1.063.670.053.161
Nợ phải trả bộ phận	510.199.643.154			510.199.643.154
Nợ phải trả không phân bổ			26.715.924.610	26.715.924.610
Tổng nợ phải trả				536.915.567.764

d) Tài sản và nợ phải trả phân chia theo bộ phận tại ngày 01/01/2023:

Khoản mục	Hoạt động đầu tư	Hoạt động kinh doanh BĐS	Hoạt động không phân bổ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	773.875.195.241			773.875.195.241
Tài sản không phân bổ			382.347.080.571	382.347.080.571
Tổng tài sản				1.156.222.275.812
Nợ phải trả bộ phận	611.885.372.448			611.885.372.448
Nợ phải trả không phân bổ			26.863.985.293	26.863.985.293
Tổng nợ phải trả				638.749.357.741

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

8.4 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

8.5 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 của Tập đoàn đã được kiểm toán và số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 đã được soát xét.

8.6 Thông tin khác

Trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023, Công ty Cổ phần Đầu tư MHC (Công ty con) đã mua lại trước hạn và tất toán 2.000 Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư MHC (TP.MARINA.2020.01) phát hành ngày 29/5/2020.

Ngoài ra, vào ngày 23/5/2023, Công ty Cổ phần Đầu tư MHC (Công ty con) đã tiếp tục mua lại trước hạn 1.500 Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư MHC (MIVCH2126001) phát hành ngày 01/7/2021 với tổng giá trị mua lại là 150.000.000.000 đồng.

Người lập biểu

LÊ THỊ LAN HƯƠNG

Kế toán trưởng

NGUYỄN HUY QUẢNG

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2023

Chủ tịch Hội đồng quản trị



PHẠM BÁ HUY